TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 23/8/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tím

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện Krông Nô.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:*** Nông Quốc Hùng, chức vụ Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-DS, ngày 25/02/2019, về việc "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS, ngày 06/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vi Văn Q và bà Vi Thị T. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Vi Văn N (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lang Thị X (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Ông Vi Văn N (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng: Anh Vi Văn Q1 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vi Văn Q và bà Vi Thị T trình bày:

Vào năm 2017 vợ chồng ông Q, bà T có cho ông Vi Văn N vay tổng số tiền là 179.300.000 đồng. Số tiền trên ông bà cho ông N vay hai lần. Lần một vào ngày 13/5/2017 ông bà cho ông N vay 117.000.000 đồng, có lập thành văn bản, giấy vay tiền là do vợ chồng ông Q, bà T nhờ con trai là Vi Văn Q1 viết tại nhà ông Q, bà T, ông N là người trực tiếp nhận tiền. Lãi suất do hai bên thỏa thuận là 30.000 đồng/1.000.000/tháng, thời hạn trả nợ là vào ngày 15/6/2017; lần hai ông Q, bà T cho ông N vay 62.300.000 đồng vào ngày 14/4/2017 (âm lịch), tức ngày 23/5/2017 (dương lịch), giấy vay tiền là do vợ chồng ông Q, bà T nhờ con trai là Vi Văn Q1 viết, do ông N thỏa thuận chiều cùng ngày ông N sẽ trả cho ông Q, bà T nên ông bà không tính lãi suất. Từ thời điểm vay tiền đến nay ông N mới chỉ thanh toán cho ông Q, bà T được 36 kg tiêu hat khô vào cuối năm 2017, với giá là 80.000 đồng/1kg thành tiền là 2.880.000 đồng để trừ vào số nợ gốc. Khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng ông N không thanh toán nợ cho ông Q, bà T. Đã nhiều lần ông Q, bà T yêu cầu ông N thanh toán nợ nhưng ông N cố tình không trả. Tại phiên tòa ông Q, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Vi Văn N phải thanh toán cho ông bà số tiền của hai lần vay là 179.300.000 đồng, trừ đi số tiêu mà ông N đã thanh toán vào năm 2017 là 36 kg có giá trị là 2.880.000 đồng. Ông bà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 117.000.000 đồng, còn số tiền 62.300.000 đồng ông bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Vi Văn N, bà Vi Thi T trình bày: Vào năm 2014 ông N có vay của gia đình ông Q, bà T số tiền là 50.000.000 đồng, không lập thành văn bản. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000/ngày. Ông N trực tiếp đến nhà ông Q, bà T để vay tiền. Khi ông N vay tiền của gia đình ông Q thì không có ai chứng kiến. Ông N không vay hai khoản tiền như ông Q, bà T trình bày ở trên. Hai giấy vay tiền với hai khoản tiền vay vào ngày 13/5/2017 là 117.000.000 đồng và khoản vay 62.300.000 đồng vào ngày 14/4/2017 (âm lịch), tức ngày 23/5/2017 (dương lịch) là tiền lãi của khoản tiền 50.000.000 đồng mà ông N vay của ông Q, bà T vào năm 2014. Ông N thừa nhận chữ ký trong hai giấy vay tiền trên là do ông ký vì ông bị con trai ông Q, bà T là anh Vi Văn Q1 ép phải ký. Từ khi vay số tiền 50.000.000 đồng đến nay ông đã thanh toán cho ông Q, bà T được 13.000.000 đồng tiền mặt, ông N giao trực tiếp cho ông Q và hai lần con trai ông Q là anh Q1 lên nhà ông lấy tiêu hạt khô: Lần một vào cuối năm 2016 là 29.4kg tiêu với giá là 160.000đồng/kg thành tiền là 4.740.000 đồng; lần hai vào cuối năm 2017 là 36kg tiêu với giá thời điểm đó là 120.000 đồng/kg thành tiền là 4.320.000 đồng. Việc ông N trả tiền mặt và tiêu cho ông Q không lập thành văn bản. Như vậy tổng số tiền mà ông N đã thanh toán cho ông Q, bà T là 22.060.000 đồng tiền nợ gốc. Ông N chưa thanh toán tiền lãi cho ông Q, bà T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà T yêu cầu ông N phải thanh toán tổng số tiền 179.300.000 đồng – 2.880.000 đồng = 176.580.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật thì ông N không

chấp nhận. Ông chỉ chấp nhận trả số nợ gốc còn lại là 27.940.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lang Thị X trình bày: Bà là vợ của ông Vi Văn N, trong quá trình chung sống bà X nghe ông N nói có vay ông Vi Văn Q, bà Vi Thị T số tiền 50.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên, bà X không biết ông N vay vào thời gian nào và đã trả số tiền này cho ông Q, bà T hay chưa. Đối với số tiền 179.300.000 đồng mà ông Q, bà T khởi kiện yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả nợ, bà X không biết ông N có vay ông Q, bà T số tiền này hay không, bà cũng không được sử dụng số tiền này. Vì vậy, bà X cho rằng không liên quan gì đến khoản tiền vay 179.300.000 đồng và bà X cũng không có nghĩa vụ cùng ông N thanh toán khoản tiền trên cho ông Q, bà T.

Người làm chứng anh Vi Văn Q1 trình bày: Anh Q1 được chứng kiến việc bố mẹ anh Q1 là ông Q, bà T cho ông Vi Văn N vay hai lần tiền, với tổng số tiền là 179.300.000 đồng. Hai giấy vay tiền trên là do ông Q, bà T nhờ anh Q1 viết khi ông N vay tiền. Hai lần ông N đến vay tiền của ông Q, bà T thì anh Q1 đều biết và viết giấy vay tiền giúp cho họ. Anh Q1 không ép buộc ông N ký vào hai giấy vay tiền. Từ khi vay tiền của ông Q, bà T thì ông N mới chỉ thanh toán cho ông Q, bà T được 36kg hạt tiêu khô vào cuối năm 2017 với giá là 80.000 đồng/kg. Số tiêu trên là do anh Q1 đến nhà ông N để lấy. Anh Q1 không thừa nhận lấy 29.4 hạt tiêu khô vào năm 2016 của ông N. Số tiền mà ông Q, bà T cho ông N vay thì không có tiền của anh Q1 trong đó.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 176.420.000 đồng và lãi suất theo quy

định của pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền 2.880.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 62.300.000 đồng.

Buộc ông Vi Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Vi Văn Q, bà Vi Thị T yêu cầu Tòa án buộc ông Vi Văn N phải trả số tiền 179.300.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô và tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp hợp đồng vày tài sản*" theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét việc ông Q, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả số tiền 179.300.000 đồng theo "Giấy vay tiền" ngày 14/4/2017 (âm lịch) tức ngày 23/5/2017 (dương lich) và "Giấy vay tiền" ngày 13/5/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chứng cứ mà ông Q, bà T cung cấp là "Giấy vay tiền" ngày 14/4/2017 (âm lịch), tức ngày 23/5/2017 (dương lich) và "Giấy vay tiền" ngày 13/5/2017 với tổng số tiền vay là 179.300.000 đồng có ký nhận của ông N. Tại thời điểm xác lập giấy vay tiền mặt, ông N thừa nhận ông hoàn toàn tỉnh táo nhưng việc ông N ký nhận vào hai giấy vay tiền là do bị ép buộc. Tuy nhiên, ông N không cung cấp được tài liệu chứng minh được việc ông ký nhận vào hai giấy vay tiền trên là do bị ép buộc. Do đó, việc ông N cho rằng bị ép buộc ký nhận hai giấy vay tiền là không có cơ sở chấp nhận. Xét nội dung và mục đích của các giấy vay tiền thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch vay tiền giữa ông Q, bà T với ông N đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của ông N. Nội dung giấy cho vay tiền mặt thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, việc ông N không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà T và ông N đều thừa nhận việc ông N đã trả cho ông Q, bà T 36 kg hạt tiêu khô vào cuối năm 2017 để trừ vào số nợ gốc. Theo ông Q, bà T thì 36kg hạt tiêu khô ông N trả để trừ vào khoản nợ gốc 62.300.000 đồng. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được giá trị của 36 kg hạt tiêu khô tại thời điểm trả là bao nhiêu. Theo biên bản xác minh tại Công ty TNHH MTV TM HK và Công ty TNHH MTV QV Đắk Nông thì giá hạt tiêu khô vào thời điểm tháng 11, 12 năm 2017 có giá trung bình là 77.000 đồng/1kg. Ông Q, bà T chấp nhận việc xác định giá hạt tiêu khô tại thời cuối năm 2017 là 80.000

đồng/1kg. Như vậy, cần xác định giá của 36 kg hạt tiêu khô ông N trả cho ông Q, bà T là 36 kg x 80.000 đồng = 2.880.000 đồng.

2.2. Đối với việc ông N cho rằng, ông chỉ vay ông Q, bà T số tiền 50.000.000 đồng, ông N không vay ông Q, bà T tổng số tiền 179.300.000 đồng, việc ông N ký giấy vay tiền ngày 14/4/2017 (âm lịch), tức ngày 23/5/2017 (dương lịch) và "Giấy vay tiền" ngày 13/5/2017 là do bị ép buộc. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông N cho rằng không vay ông Q, bà T số tiền 179.300.000 đồng theo "giấy vay tiền" ngày 14/4/2017 (âm lịch) tức ngày 23/5/2017 (dương lịch) và "Giấy vay tiền" ngày 13/5/2017 là không có căn cứ chấp nhận.

2.3. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận việc ông N trả 36 kg hạt tiêu khô để trừ vào khoản nợ gốc. Do đó, số nợ gốc ông N có nghĩa vụ phải trả cho ông Q, bà T là 179.300.000 đồng - 2.880.000 đồng = 176.420.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Q, bà T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 2.880.000 đồng. Xét thấy việc ông Q, bà T rút yêu cầu nói trên là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Q, bà T. ông Q, bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

2.4. Về yêu cầu tính lãi suất:

Theo nội dung "giấy vay tiền" ngày 14/4/2017 (âm lịch) tức ngày 23/5/2017 (dương lịch) và "Giấy vay tiền" ngày 13/5/2017, xét thấy nội dung chỉ thể hiện các bên thỏa thuận về thời gian trả mà không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản và không có lãi. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q, bà T có quyền yêu cầu ông N phải trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tại phiên tòa ông Q, bà T yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền nợ gốc 117.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/5/2017. Đối với số tiền nợ gốc 62.300.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/4/2017 (âm lịch) tức ngày 23/5/2017 (dương lịch) ông Q, bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự lãi suất được áp dụng là 10%/năm (0,83%/tháng), do đó đối với số tiền 117.000.000 đồng được tính lãi như sau: 117.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng 07 ngày = 25.475.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông N có nghĩa vụ phải trả cho ông Q bà T là 201.895.000 đồng trong đó nợ gốc là 176.420.000 đồng và nợ lãi phát sinh là 25.475.000 đồng.

3. Đối với bà Lang Thị X mặc dù là vợ của ông Vi Văn N nhưng bà X không tham gia xác lập cũng không được sử dụng tổng số tiền vay 179.300.000 đồng mà ông N vay của ông Q, bà T. Do đó, không làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà X đối với ông Q, bà T.

4. Về án phí : Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Vi Văn N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Áp dụng khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hoàn trả ông Vi Văn Q, bà Vi Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn Q, bà Vi Thị T.

Buộc ông Vi Văn N phải trả ông Vi Văn Q, bà Vi Thị T số tiền 201.895.000 đồng trong đó nợ gốc là 176.420.000 đồng và nợ lãi phát sinh là 25.475.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu Tòa án buộc ông N phải trả số tiền 2.880.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất của số tiền 62.300.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Vi Văn N phải nộp số tiền 10.090.475 đồng làm tròn 10.090.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vi Văn Q, bà Vi Thị T số tiền 4.482.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên theo biên lai số 0003157, ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 – Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tím